TÒA ÁN NHÂN DÂN **CỘNG HỊA XỸ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 - VĨNH LONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/DSST
Ngày: 29 – 9 – 2025
" V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Mỡn.
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lập
2/ Ông Lê Văn Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long: Bà Lữ Ngọc Minh Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 279/2025/TLST-DS ngày 24/10/2024 về việc "***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2025/QĐXXST – DS ngày 23 tháng 07 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 08 năm 2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 206/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 09 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Châu Thanh M, sinh 1990 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp B, xã N, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Chị Lê Thị Diệu N, sinh năm 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long.
- Người làm chứng:
Bà Nguyễn Thị Thùy N1, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ cư trú: ấp K, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn*** **chị** Châu Thanh M ***trình bày:***

Do chỗ quen biết nên chị M có cho chị Lê Thị Diệu N vay tiền 04 lần. Cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 27/4/2023 chị M nhờ chị Nguyễn Thị Thúy N2 chuyển qua tài khoản của chị N số tiền là 30.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng, vay không thời hạn.

Lần 2: Vào ngày 01/5/2023 chị M chuyển qua tài khoản của chị N số tiền là 20.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng, vay không thời hạn.

Lần 3: Vào ngày 18/8/2023 chị M chuyển qua tài khoản của chị N số tiền là 30.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng, vay không thời hạn.

Lần 4: Vào ngày 09/10/2023 chị M chuyển qua tài khoản của chị N số tiền là 20.000.000đ, lãi suất là 5%/tháng, vay không thời hạn.

Đến nay thì chị N chưa trả cho chị M số tiền vốn. Đến tháng 10/2023, tổng cộng chị N đã trả lãi cho chị M số tiền là 22.500.000đ.

Nay chị M yêu cầu chị N trả chị M số tiền vốn là 100.000.000đ và lãi suất tính từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2024 cụ thể là 100.000.000đ x 1,66% x 9 tháng = 14.940.000đ. Tổng cộng là 114.940.000đ.

**** Đối với bị đơn Chị** Lê Thị Diệu N **:***Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú tại xã H, tỉnh Vĩnh Long nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long.

Về thủ tục tố tụng:

Nhận thấy bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặt dù được Tòa án tống đạt đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Vĩnh Long thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Chị Mến yêu C chị N có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 100.000.000đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1.1] xét ngày 27/4/2023 chị N nhờ chị Nguyễn Thị Thúy N2 chuyển cho chị N vay số tiền số tiền là 30.000.000đ; Vào ngày 01/5/2023 chị M cho chị N vay số tiền là 20.000.000đ; Vào ngày 18/8/2023 cho chị N vay số tiền là 30.000.000đ; Vào ngày 09/10/2023 chị M cho chị N vay số tiền là 20.000.000đ. Tổng cộng chị M cho chị N vay số tiền là 100.000.000đ.

[1.2] Xét chị M đã giao nộp cho Tòa án "Sổ phụ, kiêm phiếu báo nợ, báo có" của ngân hàng thể hiện nội dung chị M có chuyển tiền cho chị N như đơn khởi kiện đã trình bày, nộp biên nhận nợ bản chính cho Tòa án. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh.

[1.3] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tống đạt các văn bản tố tụng và gửi các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng phía bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không đến Tòa án trình bày ý kiến cũng như yêu cầu của mình. Như vậy chị N đã vi phạm nghĩa vụ chứng minh của đương sự và từ bỏ quyền lợi trong vụ án này nên giải quyết vụ án theo những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án

Căn cứ mục [1.1], [1.2] và [1.3] , có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chị N nghĩa vụ trả số tiền vay gốc là 100.000.000đ là phù hợp theo quy định tại Điều 466 và khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu của chị M yêu cầu chị N có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ tháng 11/2023 đến tháng 10/2024 cụ thể là 100.000.000đ x 1,66% x 9 tháng = 14.940.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Yêu cầu của chị M là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận.

[4] Án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải nộp số tiền 114.940.000đ x 5% = 5.747.000đ; Nguyên đơn không phải nộp án phí.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35; khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463, 465, 466, 468 và 469 của Bộ luật dân sự; Điều 26 và 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chung Thanh M1.

Buộc chị Lê Thị Diệu N có nghĩa vụ trả chị Chung Thanh M1 số tiền vay gốc là 100.000.000đ và tiền lãi 14.940.000đ. Tổng cộng là 114.940.000đ (Một trăm mười bốn triệu triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc chị Lê Thị Diệu N nộp số tiền 5.747.000đ (Năm triệu bảy trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

+ Chị M1 không phải nộp án phí. Hoàn trả chị M1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.874.000đ theo lai thu số 0009493 ngày 24/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND KV4;
- Phòng THADS KV4;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Mỡn